Lịch thu gom rác gia đình (Tháng 4,2026～Tháng 3,2027)

[Hội khu phố tương ứng] 高萩町・下作原・上作原・閑馬上・下彦間下・中

ベトナム語⑤（月木・金）

Loại rác	Rác cháy được	Rác tái chế・Rác không cháy được・Rác thải có hại
Ngày thu gom	**Thứ hai, Thứ năm**	**Thứ sáu** ※ Các danh mục có thể vứt phụ thuộc vào từng ngày.
Địa điểm thu gom (Gomi station)	Điểm thu rác cháy được (Moeru gomi station)	Điểm thu rác tái chế・Rác không cháy được・Rác thải có hại (Shigen gomi・Moenai gomi・Yugai gomi station)
Ghi chú	Ngày 20 tháng 7(Thứ hai), Ngày 21 tháng 9(Thứ hai), Ngày 12 tháng 10(Thứ hai) Ngày 23 tháng 11(Thứ hai), Ngày 11 tháng 1(Thứ hai) ○ Ngoài ngày đã nêu trên, việc thu gom rác sẽ không được thực hiện vào ngày lễ. ○ Ngày thu gom rác cuối cùng của năm nay : **Ngày 28 tháng 12(Thứ hai)** Ngày thu gom rác đầu tiên của năm sau : **Ngày 4 tháng 1(Thứ hai)**	○ Vào các ngày nghỉ lễ, chúng tôi không thu gom rác. ○ Hãy kiểm tra kỹ các loại danh mục cần vứt và ngày vứt theo bảng dưới đây.

☆ Vui lòng vứt rác tại địa điểm thu gom theo quy định trước 8 giờ sáng vào đúng ngày được chỉ định.
☆ Rác được vứt không đúng ngày hoặc vứt sau thời gian thu gom sẽ không được thu gom.
☆ Rác được vứt vào túi chỉ được phép tối đa 2 túi cho mỗi loại.

Danh mục	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng10	Tháng11	Tháng12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
④ Thùng carton 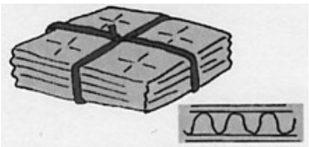 ⑥ Quần áo (Túi quy định (大･中･小)) ⑪ Rác không cháy (Túi quy định (中･小))	24 (Thứ sáu)	22 (Thứ sáu)	19 (Thứ sáu)	17 (Thứ sáu)	14 (Thứ sáu)	11 (Thứ sáu)	9 (Thứ sáu)	6 (Thứ sáu)	4 (Thứ sáu)	8 (Thứ sáu)	5 (Thứ sáu)	5 (Thứ sáu)
② Hộp giấy, tạp chí, sách, các loại giấy khác, tờ rơi ⑧ Chai nhựa (Túi quy định (大･中･小)) ⑩ Chai rỗng (Túi quy định (中･小))	3 (Thứ sáu)	1 (Thứ sáu) 29 (Thứ sáu)	26 (Thứ sáu)	24 (Thứ sáu)	21 (Thứ sáu)	18 (Thứ sáu)	16 (Thứ sáu)	13 (Thứ sáu)	11 (Thứ sáu)	15 (Thứ sáu)	12 (Thứ sáu)	12 (Thứ sáu)
③ Giấy báo và tờ rơi kèm trong báo ⑤ Hộp giấy 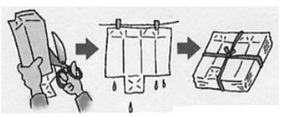 ⑥ Quần áo (大･中･小) ⑦ Khay thực phẩm màu trắng (大･中･小) ⑫ Rác thải có hại (Túi quy định (中･小))	10 (Thứ sáu)	8 (Thứ sáu)	5 (Thứ sáu)	3 (Thứ sáu) 31 (Thứ sáu)	28 (Thứ sáu)	25 (Thứ sáu)	23 (Thứ sáu)	20 (Thứ sáu)	18 (Thứ sáu)	22 (Thứ sáu)	19 (Thứ sáu)	19 (Thứ sáu)
② Hộp giấy, tạp chí, sách, các loại giấy khác, tờ rơi 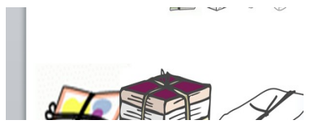 ⑧ Chai nhựa (Túi quy định (大･中･小)) ⑨ Lon rỗng (Túi quy định (大･中･小))	17 (Thứ sáu)	15 (Thứ sáu)	12 (Thứ sáu)	10 (Thứ sáu)	7 (Thứ sáu)	4 (Thứ sáu)	2 (Thứ sáu) 30 (Thứ sáu)	27 (Thứ sáu)	25 (Thứ sáu)	29 (Thứ sáu)	26 (Thứ sáu)	26 (Thứ sáu)